

Số: **1633** /QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày **23** tháng 9 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung lần 3  
dự án: Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển  
Châu Á và Chính phủ Úc tài trợ (Tuyến nối Lai Châu với Cao tốc  
Nội Bài – Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy  
định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài  
nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi  
Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính  
hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện  
bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 Quy định chi tiết  
Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung  
một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một  
số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND  
tỉnh Lai Châu ban hành quy định mức trích, nội dung chi và mức chi cho công  
tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất  
trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh  
Lai Châu ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi  
thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;*

*Căn cứ Quyết định số 754/QĐ-UBND ngày 18/6/2020 của UBND tỉnh Lai  
Châu về việc Chấp thuận cho phép để thực hiện và cập nhật bổ sung các công  
trình, dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của cấp huyện;*

*Căn cứ Quyết định số 12/2021/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 của UBND tỉnh  
Lai Châu V/v Ban hành Quy định về hạn mức giao đất; hạn mức công nhận*





quyền sử dụng đất ở; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất; diện tích, kích thước tối thiểu được tách thửa trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 của UBND tỉnh Lai Châu về Ban hành đơn giá bồi thường về tài sản, cây trồng, vật nuôi trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn huyện Tam Đường và thành phố Lai Châu thuộc dự án kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Chính phủ Úc tài trợ;

Căn cứ Khung chính sách dự án: Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á và Chính phủ Úc tài trợ (Tuyến nối Lai Châu với Cao tốc Nội Bài – Lào Cai);

Căn cứ Quyết định số 995/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 của UBND thành phố Lai Châu V/v Ban hành Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á và Chính phủ Úc tài trợ (Tuyến nối Lai Châu với Cao tốc Nội Bài – Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu);

Căn cứ Quyết định số 455/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 của UBND thành phố Lai Châu về việc Phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện 04 dự án trên địa bàn thành phố Lai Châu;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 620/TTr-TNMT ngày 22/9/2021.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung lần 3 dự án: Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á và Chính phủ Úc tài trợ (Tuyến nối Lai Châu với Cao tốc Nội Bài – Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu), cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ, tái định cư chủ đầu tư phải chi trả là: 727.654.841 đồng.

(Bằng chữ: Bảy trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi tư nghìn tám trăm bốn mươi một đồng).

Trong đó:

- Chi trả cho chủ sở hữu:	727.654.841 đồng
+ Tài sản, vật kiến trúc:	707.630.441 đồng
+ Cây cối, hoa màu:	20.024.400 đồng

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

2. Nguồn kinh phí chi trả, thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất.

- Nguồn kinh phí chi trả: Lấy từ nguồn vốn của dự án.





- Thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất: Thực hiện theo Điều 24 Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND; Trưởng các phòng: Tài nguyên và Môi trường, Kinh tế, Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất; Chủ tịch UBND phường Đông Phong; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ gia đình có tên trong phương án bồi thường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Ban Quản lý dự án 2 – Bộ GTVT;
- Chủ tịch UBND thành phố (thay b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đỗ Văn Xiêng**





**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ BỔ SUNG LẦN 3**

**Dự án: Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc  
(Tuyến nối Lai Châu với cao tốc Nội Bài- Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu).**

*Kèm theo Quyết định số: 1633 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2021 của UBND thành phố Lai Châu*

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
<b>A</b>	<b>Tổng cộng</b>				<b>727.654.841</b>
<b>I</b>	<b>Chi phí cho các hộ dân</b>				<b>727.654.841</b>
1	<i>Về tài sản vật kiến trúc</i>				<b>707.630.441</b>
2	<i>Về cây cối hoa màu</i>				<b>20.024.400</b>
<b>B</b>	<b>Chi tiết cho các hộ dân</b>				<b>727.654.841</b>
<b>I</b>	<b>Phần tài sản bị ảnh hưởng không sử dụng được</b>				<b>727.654.841</b>
<b>1</b>	<b>Đối với hộ ông: Đoàn Hải Thịnh (hiện trạng ông Trần Văn Hà đang sử dụng)</b>				
	Địa chỉ: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	<b>Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)</b>				<b>995.781</b>
<b>a</b>	<i>Về Tài sản vật kiến trúc: xây dựng trên trước thông báo thu hồi đất và không bị lập biên bản vi phạm về xây dựng</i>				<b>995.781</b>
	<i>Phần tài sản nằm trên diện tích đất không đủ điều kiện bồi thường về đất</i>				
1	Tấm đan BTCT (3,3*1,1*0,1)	m <sup>3</sup>	0,4	1.393.700	505.913
2	Nền BT đá dăm dày 10 cm (3,3*1,1)	m <sup>2</sup>	3,6	83.600	303.468
3	Ống nhựa PVC Φ 90	m	4,0	46.600	186.400
<b>2</b>	<b>Đối với hộ bà: Vũ Thị Luyến</b>				
	Địa chỉ: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	<b>Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)</b>				<b>6.484.926</b>
<b>a</b>	<i>Về Tài sản vật kiến trúc: xây dựng trên trước thông báo thu hồi đất và không bị lập biên bản vi phạm về xây dựng</i>				<b>6.484.926</b>
	<i>Phần tài sản bị ảnh hưởng không sử dụng được</i>				
1	Bán mái xây gạch đỏ tường 11cm mái lợp tôn nền lát gạch liên doanh cao 3,3m (0,8*5)	m <sup>2</sup>	4,0	633.600	2.534.400
2	Tường xây gạch đỏ tường 11cm (1,8*2)	m <sup>2</sup>	3,6	273.900	986.040
3	Tường rào sắt liền trụ (1,5*1,8)	m <sup>2</sup>	2,7	255.000	688.500
4	Nhựa quây (1,5*1,8)	m <sup>2</sup>	2,7	39.700	107.190
5	Cấu kiện sắt thép (5*0,9) tính bằng hàng rào sắt liền trụ	m <sup>2</sup>	4,5	255.000	1.147.500
6	Ống nhựa HDPE Φ 20	m	2,0	12.400	24.800







TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
	<b>Tài sản nằm trên diện tích đất không đủ điều kiện bồi thường về đất</b>				
1	Tấm đan BTCT (5,5*0,1*1,3)	Cây	0,7	1.393.700	996.496
<b>3</b>	<b>Đối với hộ bà: Lê Thị Chiến</b>				
	Địa chỉ: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				<b>2.523.517</b>
<b>a</b>	<b>Về Tài sản vật kiến trúc: (xây dựng trên trước thông báo thu hồi đất và không bị lập biên bản vi phạm về xây dựng)</b>				<b>1.443.517</b>
	<b>Phần tài sản nằm trên đất thu hồi</b>				
	<b>Phần tài sản nằm trên diện tích đất không đủ điều kiện bồi thường về đất</b>				
1	Tấm đan BTCT (8,2*1,1*0,1)	m <sup>3</sup>	0,9	1.393.700	1.257.117
2	Ống nhựa PVC Φ 90	m	4,0	46.600	186.400
<b>b</b>	<b>Về cây cối hoa màu</b>				<b>1.080.000</b>
1	Cây bơ bán kính tán từ 1 đến 2 m	Cây	3,0	360.000	1.080.000
<b>4</b>	<b>Đối với hộ bà: Trần Thị Mẫu (hiện trạng Ông Mai Văn Phòng đang sử dụng)</b>				
	Địa chỉ: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				<b>661.652</b>
<b>a</b>	<b>Về Tài sản vật kiến trúc: (xây dựng trên trước thông báo thu hồi đất và không bị lập biên bản vi phạm về xây dựng)</b>				<b>661.652</b>
	<b>Phần tài sản nằm trên diện tích đất không đủ điều kiện bồi thường về đất</b>				
1	Tấm đan BTCT (1,1*0,1*3,1)	m <sup>3</sup>	0,3	1.393.700	475.252
2	Ống nhựa PVC Φ 90	m	4,0	46.600	186.400
<b>5</b>	<b>Đối với hộ ông: Lê Duy Hiễn</b>				
	Địa chỉ: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				<b>1.427.442</b>
<b>a</b>	<b>Về Tài sản vật kiến trúc (xây dựng trên trước thông báo thu hồi đất và không bị lập biên bản vi phạm về xây dựng)</b>				<b>1.067.442</b>
	<b>Phần tài sản nằm trên diện tích đất không đủ điều kiện bồi thường về đất</b>				
1	Tấm đan BTCT (1,1*0,1*3,1)	m <sup>3</sup>	0,3	1.393.700	475.252
2	Ống nhựa PVC Φ 110	m	4,3	66.500	285.950

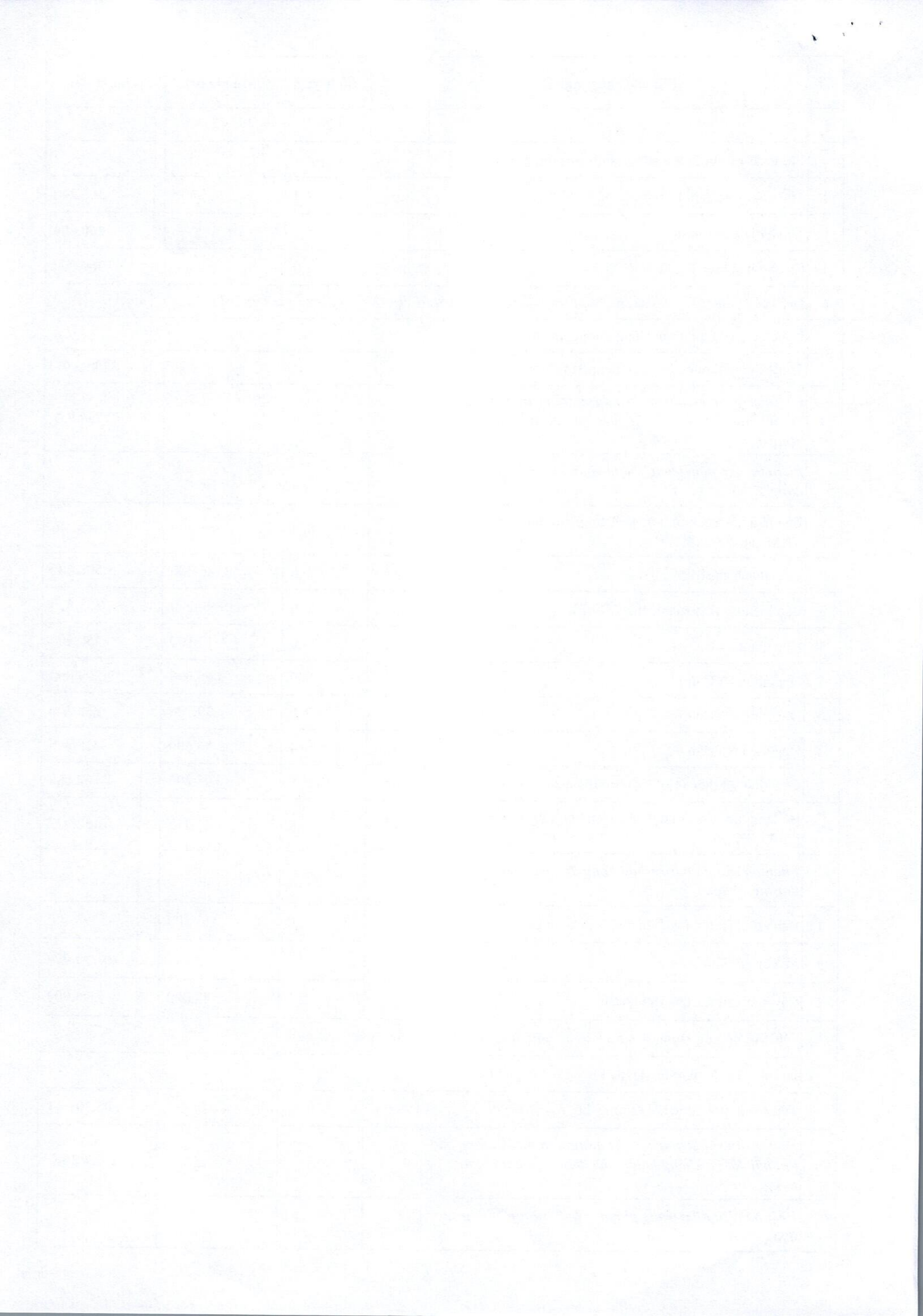






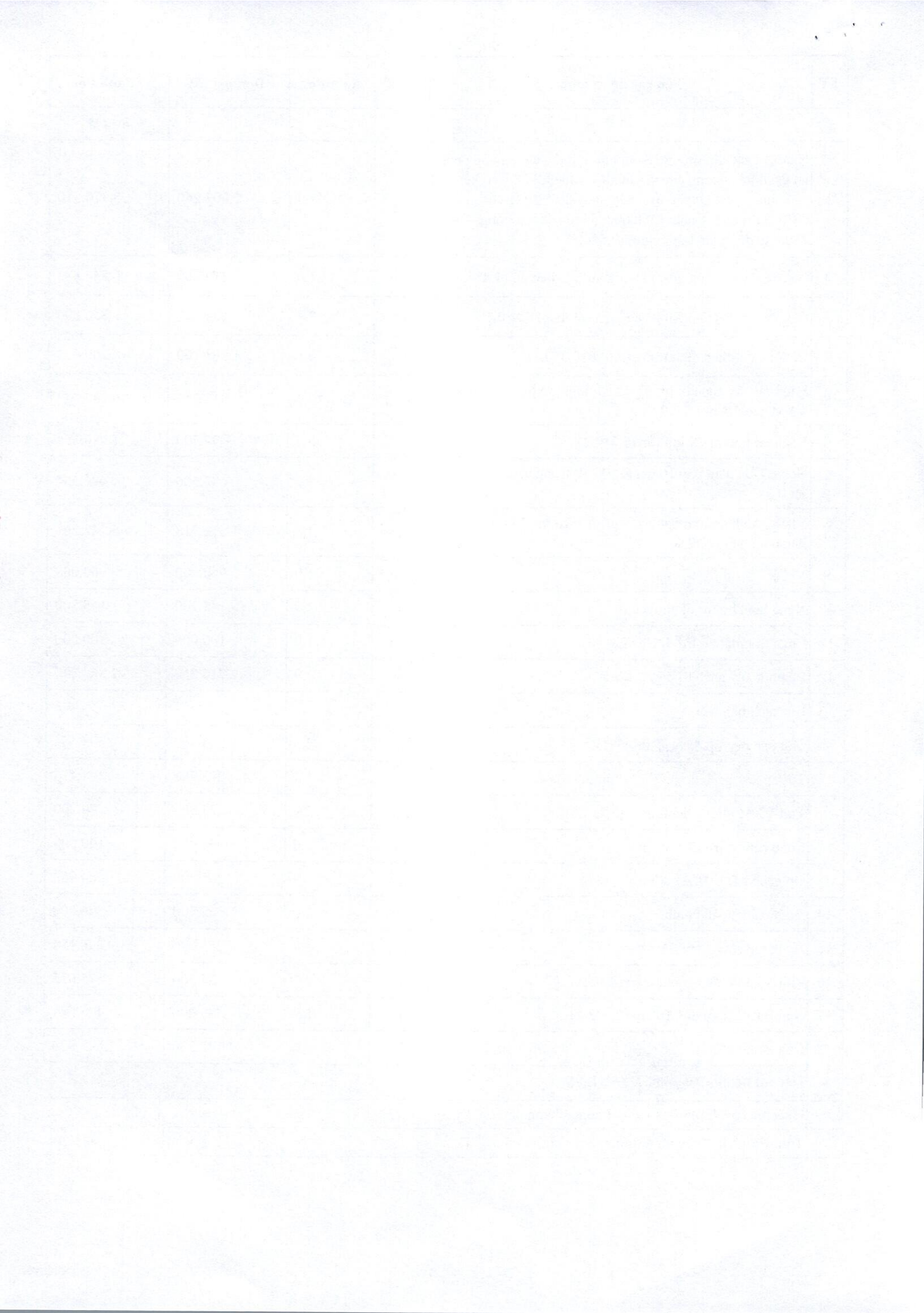
TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
	<b>Phần tài sản bị ảnh hưởng không sử dụng được</b>				
1	Tường xây gạch bi tường 12cm (1,2*1)*2	m <sup>2</sup>	2,4	127.600	306.240
<b>b</b>	<b>Về cây cối hoa màu</b>				<b>360.000</b>
1	Cây bơ bán kính tán từ 1 đến 2 m	cây	1,0	360.000	360.000
<b>6</b>	<b>Đối với hộ ông: Vũ Hoa Kết (Hiện trạng ông Nguyễn Văn Phương và bà Phạm Thị Toàn đang sử dụng)</b>				
	Địa chỉ: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				<b>37.096.951</b>
<b>a</b>	<b>Về Tài sản vật kiến trúc: xây dựng trên trước thông báo thu hồi đất và không bị lập biên bản vi phạm về xây dựng</b>				<b>37.000.951</b>
	<b>Phần tài sản nằm trong phạm vi ảnh hưởng không sử dụng được</b>				
1	Bán mái xây gạch bi tường 12 cm mái lợp tôn nền láng VXM cao 3,5m (5,49*7)	m <sup>2</sup>	38,4	563.200	21.643.776
2	Trần thạch cao (4,5*6,8)	m <sup>2</sup>	30,6	180.000	5.508.000
3	Cấu kiện sắt thép giá đỡ hoa (3*1,2)	m <sup>2</sup>	3,6	98.200	353.520
4	Ống nhựa PVC Φ 21	m	29,0	12.100	350.900
5	Ống nhựa PVC Φ 110	m	6,0	66.500	399.000
6	Ống nhựa PVC Φ 75	m	6,0	39.700	238.200
7	Ống thép mã kẽm Φ 76	m	7,4	56.600	418.840
8	Cấu kiện sắt thép (1,6*7,4) bao quanh cửa cuốn	m <sup>2</sup>	11,8	98.200	1.162.688
9	Bê đưng nước sinh hoạt xây gạch bi tường 12 cm (1,6*1,7*3,5)	m <sup>3</sup>	9,5	644.215	6.132.927
	<b>Phần tài sản nằm trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất</b>				
1	Rãnh thoát nước ngoài nhà xây đá hoàn chỉnh	m	7,0	113.300	793.100
<b>b</b>	<b>Về cây cối hoa màu</b>				<b>96.000</b>
1	Cây hoa ngũ sắc cho thu hoạch	m <sup>2</sup>	2,0	48.000	96.000
<b>7</b>	<b>Đối với hộ ông Hằng A Chu (Hiện trạng ông Đỗ Mạnh Tuấn đang sử dụng)</b>				
	Địa chỉ: Tổ 24, phường Đông Phong thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)				<b>105.707.047</b>
<b>a</b>	<b>Về Tài sản vật kiến trúc: xây dựng trên trước thông báo thu hồi đất và không bị lập biên bản vi phạm về xây dựng</b>				<b>105.707.047</b>
	<b>Phần tài sản nằm trong phạm vi ảnh hưởng không sử dụng được</b>				







TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Nhà xây gạch bi tường 12 cm mái lợp tôn chống nóng nền lát gạch liên doanh cao 4,5 m không hiên BTCT có kết cấu như mục 2 Quyết định 598 ngày 26/5/2021 của UBND tỉnh Lai Châu (+ 60.000 giá tôn chống nóng, - 120.340 đồng giá trần nhựa) (9,8*4,8)	m <sup>2</sup>	47,0	1.602.260	75.370.310
2	Gác xép lửng bằng gỗ cả khung xương dầm gỗ (4,8*4,5)	m <sup>2</sup>	21,6	316.800	6.842.880
3	Cầu thang sắt (tính bằng cấu kiện sắt thép) 4,8*0,7	m <sup>2</sup>	3,4	255.000	856.800
4	Bê tông cốt thép dầm trang trí (4,8*0,3*0,1)	m <sup>2</sup>	0,1	1.393.700	200.693
5	Bán mái xây gạch bi tường 12 cm mái lợp tôn nền láng VXM cao 2,8 m (4,5*2,7)	m <sup>2</sup>	12,2	513.216	6.235.574
6	Bán mái khung sắt lợp tôn (2,7*2,2)	m <sup>2</sup>	5,9	334.400	1.986.336
7	Nền BT đá dăm dày 10 cm (2,7*2,2) trong bán mái khung sắt	m <sup>2</sup>	5,9	83.600	496.584
8	Nhà vệ sinh đồ mái bằng xây gạch bi tường 12 cm lát gạch liên doanh (1,65*2,1)	m <sup>2</sup>	3,5	1.512.918	5.242.261
9	Xí bệt	Cái	1,0	960.000	960.000
10	Nóng lạnh hỗ trợ di chuyển	Cái	1,0	145.200	145.200
11	Chậu rửa mặt hỗ trợ di chuyển	Cái	1,0	100.000	100.000
12	Bê phốt xây gạch bi tường 12cm	m <sup>3</sup>	4,0	716.210	2.864.840
13	Bóc tách bàn bếp	m <sup>2</sup>			
	Mặt bàn bếp ốp đá (1,8*0,6)*2	m <sup>2</sup>	2,2	235.400	508.464
	Tường xây gạch đỏ tường 11cm (2,4*0,6)	m <sup>2</sup>	1,4	273.900	394.416
	Trát VXM không đánh màu (2,4*0,6)*2	m <sup>2</sup>	2,9	27.500	79.200
	Chậu rửa hỗ trợ di chuyển	Cái	1,0	100.000	100.000
	Ốp gạch LD (4*0,6)	m <sup>2</sup>	2,4	235.400	564.960
14	Bó bờ xây hoàn chỉnh	m	2,0	48.400	96.800
15	Hàng rào sắt (2,1*1,3)	m <sup>2</sup>	2,7	255.000	696.150
16	Trát VXM không đánh màu (2,1*1,3)	m <sup>2</sup>	2,7	27.500	75.075
17	Nền BT đá dăm dày 10 cm (2,7*2,2)	m <sup>2</sup>	5,9	83.600	496.584
18	Cửa kính (4*2,4)	m <sup>2</sup>	9,6	145.200	1.393.920
<b>8</b>	<b>Đối với hộ ông: Nguyễn Văn Trạch</b>				
	Địa chỉ: Tờ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)				<b>4.441.706</b>





TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
a	<i>Về Tài sản vật kiến trúc: (Do ông Vũ Hoa Kết (Nguyễn Văn Phương) tạo lập năm 2012 trên đất nông nghiệp, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, tài sản tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất, gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp</i>				4.441.706
	<b>Phần tài sản nằm trên diện tích đất không đủ điều kiện bồi thường về đất</b>				
1	Tấm đan BTCT (7,3*1,3*0,1)	m <sup>3</sup>	0,9	1.393.700	1.322.621
2	Nền BT đá dăm dày 10 cm (7,3*1,5)	m <sup>2</sup>	11,0	83.600	915.420
3	Ống nước HDPE Φ 63	m	25,0	48.900	1.222.500
4	Tấm đan BTCT (6,4*1,1*0,1)	m <sup>2</sup>	0,7	1.393.700	981.165
<b>9</b>	<b>Đối với hộ bà Nguyễn Thị Hoa và ông Nhâm Văn Biên</b>				
	Địa chỉ: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)				<b>71.812.793</b>
a	<i>Về Tài sản vật kiến trúc: (Tài sản vật kiến trúc do bà Nguyễn Thị Hoa tạo lập năm 2011 (sửa chữa nâng cấp từ nhà cũ) trên đất ở, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, tài sản tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất, gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp).</i>				71.812.793
	<b>Tài sản nằm trong phạm vi ảnh hưởng không sử dụng được</b>				
1	Bán mái xây gạch đỏ tường 11cm mái lợp tôn nền lát gạch liên doanh cao 3,3m (7*3,8)	m <sup>2</sup>	26,6	633.600	16.853.760
2	Ốp gạch liên doanh (17*2,1) quanh bếp	m <sup>2</sup>	35,7	235.400	8.403.780
3	Nhà vệ sinh, nhà tắm xây gạch đỏ tường 11cm mái đồ BTCT nền lát gạch liên doanh xây hoàn chỉnh (2,2*3,1)	m <sup>2</sup>	6,8	1.681.020	11.464.556
4	Xí bệt	Cái	1,0	960.000	960.000
5	Chậu rửa mặt hỗ trợ di chuyển	Cái	1,0	100.000	100.000
6	Bể phốt xây gạch đỏ tường 22 cm	m <sup>3</sup>	6,0	943.800	5.662.800
7	<i>Bóc tách bàn bếp</i>				
	Tấm đan BTCT (5*0,6*0,1)	m <sup>3</sup>	0,3	1.393.700	418.110
	Ốp gạch LD (7*0,6)	m <sup>2</sup>	4,2	235.400	988.680
	Tường xây gạch bi tường 12 cm (0,8*2,4)	m <sup>2</sup>	1,9	127.600	244.992
8	Bể nước sinh hoạt ngầm xây gạch đỏ tường 22 cm	m <sup>3</sup>	20,0	849.200	16.984.000
9	Bán mái xây gạch bi tường 12 cm nền lán VXM mái lợp PRXM cao 3,2 m (4,9*4,3)	m <sup>2</sup>	21,07	461.894	9.732.115
<b>10</b>	<b>Đối với hộ bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết</b>				





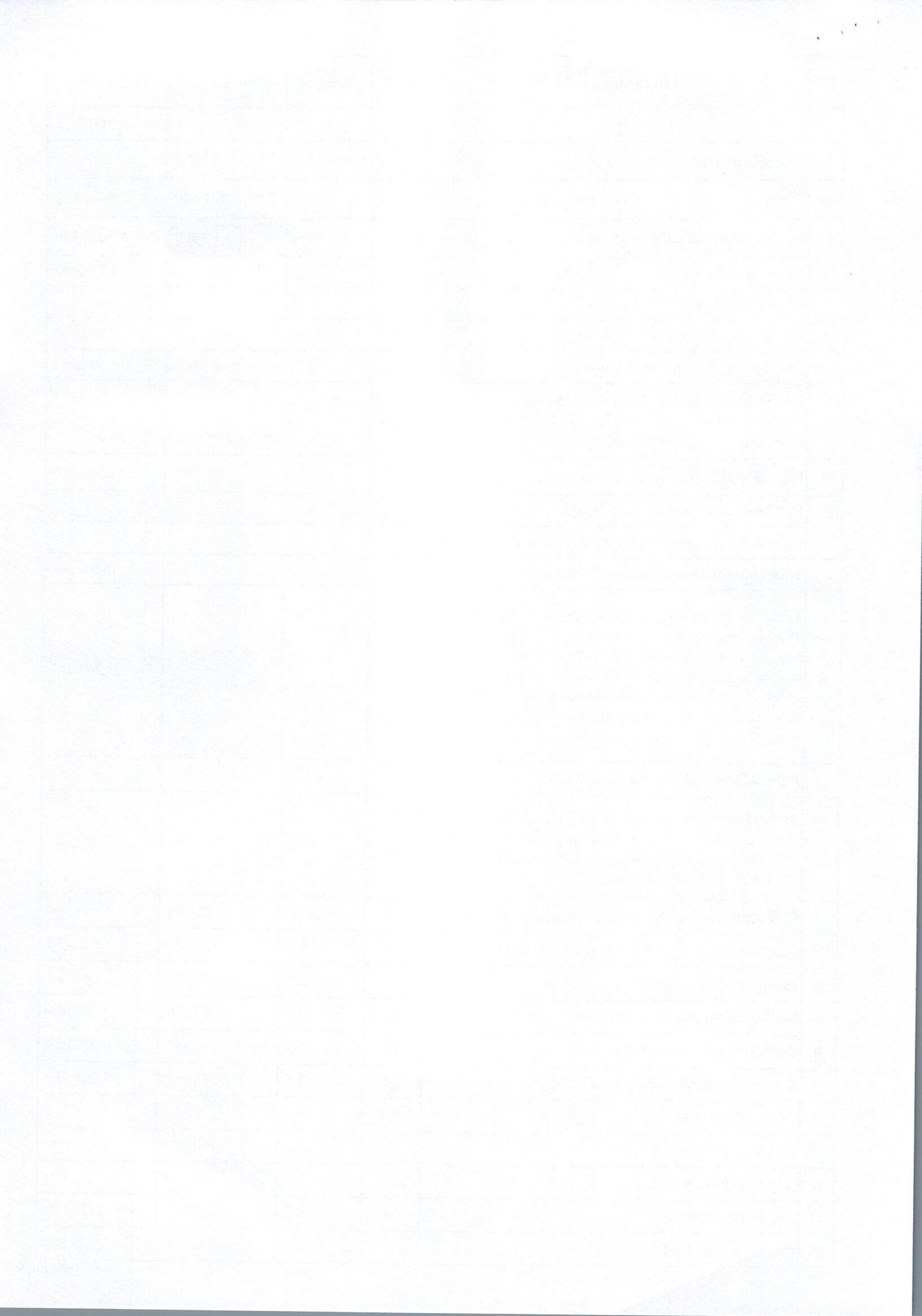


TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
Địa chỉ: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu					
Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)					<b>14.386.832</b>
<b>a</b>	<b>Về Tài sản vật kiến trúc</b> (do bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết tạo lập, khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất, gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp)				<b>14.386.832</b>
<b>Phần tài sản nằm trên diện tích đất không đủ điều kiện bồi thường về đất</b>					
1	Công INOX (2,9*2,5)	m <sup>2</sup>	7,3	825.000	5.981.250
2	Trụ công BTCT (0,6*0,62*3,5)*3	m <sup>3</sup>	3,9	1.393.700	5.443.792
3	Tấm đan BTCT (4,2*1,2*0,2)	m <sup>3</sup>	1,0	1.393.700	1.404.850
4	Óp gạch liên doanh (4,2*0,9)	m <sup>2</sup>	3,8	235.400	889.812
5	Nền BT đá dăm dày 10 cm (1,9*4,2)	m <sup>3</sup>	8,0	83.600	667.128
<b>11</b>	<b>Đối với hộ ông Nguyễn Xuân Tình</b>				
Địa chỉ: Tổ 24, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu					
Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)					<b>49.046.419</b>
<b>a</b>	<b>Về Tài sản vật kiến trúc: do ông Nguyễn Xuân Tình xây dựng trên trước kế hoạch sử dụng đất và không bị lập biên bản vi phạm về xây dựng</b>				<b>37.870.019</b>
<b>Tài sản nằm trong phạm vi ảnh hưởng không sử dụng được</b>					
1	Bán mái khung sắt lợp tôn (4*5,2)	m <sup>2</sup>	20,8	334.400	6.955.520
2	Nhà khung cột gỗ đường kính cột <20 cm (3,8*5,1)	m <sup>2</sup>	19,4	680.900	13.195.842
3	Mái lợp PRXM (6,1*3,4)*2	m <sup>2</sup>	41,5	46.200	1.916.376
4	Tường xây gạch bi tường 12cm (15*2)	m	30,0	127.600	3.828.000
5	Cửa gỗ tạm (1*1,85) tính bằng ghép gỗ quanh nhà	m <sup>2</sup>	1,9	110.000	203.500
6	Gỗ bung đầu hồi (3,5*6,5)	m <sup>2</sup>	22,8	110.000	2.502.500
7	Bán mái xây gạch bi tường 12 cm mái lợp PRXM nền lán VXM cao 2m (3,7*2,7)	m <sup>2</sup>	10,0	415.705	4.152.893
8	Cửa gỗ tạm (0,6*1,8) tính bằng ghép gỗ quanh nhà	m <sup>2</sup>	1,1	110.000	118.800
9	Cửa sổ sắt bung tôn (0,76*1)*2 cửa tính bằng mái lợp tôn	m <sup>2</sup>	1,5	57.000	86.640
10	Nền BT đá dăm dày 10 cm (6,1*4,7)	m <sup>2</sup>	28,7	83.600	2.396.812
11	Khung sắt lưới B40 (5,6*1,2)	m <sup>2</sup>	6,7	123.200	827.904
12	Khung sắt lưới B40 (0,84*2,5)	m <sup>2</sup>	2,1	123.200	258.720





TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
13	Tôn quây (0,6*10)	m <sup>2</sup>	6,0	57.000	342.000
14	Tường xây gạch bi tường 12cm (1,6*2,2)	m <sup>2</sup>	3,5	127.600	449.152
15	Nền BT đá dăm dày 10cm (4*1,9)	m <sup>2</sup>	7,6	83.600	635.360
<b>b</b>	<b>Về cây cối hoa màu</b>				<b>11.176.400</b>
	<b>Bổ sung về cây cối</b>				
1	Cây lấy gỗ D = 60 cm, H = 10 m (5 cây)	m <sup>3</sup>	14,1	480.000	6.782.400
2	Cây lấy gỗ D = 50 cm, H = 10 m (7 cây)	m <sup>3</sup>	13,7	480.000	6.594.000
	<b>Hủy bỏ hạng mục cây cối đã được phê duyệt tại QĐ 1023/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của UBND thành phố Lai Châu</b>				
1	Cây châu D 60, H10m	cây	10	220.000	(2.200.000)
<b>12</b>	<b>Đối với hộ ông: Nguyễn Tiến Đăng</b>				
	Địa chỉ: Tô 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				<b>15.531.476</b>
<b>a</b>	<i>Về tài sản vật kiến trúc: Toàn bộ tài sản do bà Nguyễn Thị Hoa (ông Nguyễn Tiến Đăng) tạo lập năm 2012 trên đất đã thu hồi dự án trước, đất nông nghiệp, khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, gia đình sử dụng ổn định, không tranh chấp, tài sản tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất.</i>				<b>15.299.476</b>
	<i>Phần tài sản nằm trên đất thu hồi mới</i>				
1	Bể đựng nước sinh hoạt xây gạch đỏ tường 22cm nắp BTCT (2,4*1,6*4) bể ngầm bổ sung khối lượng trừ đi khối lượng (2*1,4*3,8) đã tính tại Quyết định 1023 ngày 07/7/2021 của UBND thành phố	m <sup>3</sup>	4,72	849.200	4.008.224
2	Khối lượng đào đắp thủ công (bể ngầm) (3*1,8*4,5)	m <sup>3</sup>	24,30	82.500	2.004.750
3	Rãnh thoát nước ngoài nhà xây gạch trát hoàn chỉnh	m	6,7	115.500	773.850
4	Khung sắt (giàn nho) 5,3*3	m <sup>2</sup>	15,9	98.200	1.561.380
5	Nền BT đá dăm dày 10 cm (7*3,4)	m <sup>2</sup>	23,8	83.600	1.989.680
6	Lưới B40 cọc thép (2,4*1,2)	m <sup>3</sup>	2,9	100.100	288.288
7	Tường xây gạch đỏ tường 11 cm (2,4*1,9)	m <sup>2</sup>	4,6	273.900	1.248.984
8	Cút nối chữ T φ 34	cái	4,0	4.800	19.200
9	Ống nhựa PPR Φ 50	m	18,4	110.300	2.029.520
10	Ống nhựa PVC Φ 40	m	3,0	20.600	61.800
11	Ống nhựa PPR Φ 20	m	5,0	27.400	137.000
12	Ống nhựa PVC Φ 60	m	4,0	30.400	121.600





TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
13	Ống nhựa PPR Φ 50	m	6,2	110.300	683.860
14	Ống nhựa PVC Φ 110	m	1,8	66.500	119.700
15	Ống nhựa PVC Φ 90	m	5,4	46.600	251.640
<b>b</b>	<b>Về cây cối hoa màu</b>				<b>232.000</b>
1	Cây bơ trồng hạt năm thứ 3	cây	1,0	132.000	132.000
2	Cây lộc vùng đường kính gốc bằng 10cm đến dưới 25 cm (tính bằng cây hoa ban)	Cây	1,0	100.000	100.000
<b>13</b>	<b>Đối với hộ ông: Lê Bá Lực</b>				
	Địa chỉ: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)				<b>5.198.336</b>
<b>a</b>	<b>Về tài sản vật kiến trúc</b>				<b>5.198.336</b>
1	Bán mái xây gạch bi T12cm lợp tôn nền láng VXM cao 3,4 m: (1,3*7,1)	m <sup>2</sup>	9,2	563.200	5.198.336
<b>14</b>	<b>Đối với hộ bà: Trần Thị Kim Dung</b>				
	Địa chỉ: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)				<b>16.254.810</b>
<b>a</b>	<b>Về tài sản vật kiến trúc</b>				<b>16.254.810</b>
1	Bán mái xây gạch đỏ tường 22 cm lợp tôn chống nóng nền lát gạch liên doanh cao 3,6 m (7*2,3)	m <sup>2</sup>	16,1	704.000	11.334.400
2	Ống nước PVC φ 110	m	12,0	66.500	798.000
3	Ống nước PPR φ 34	m	6	58.100	348.600
4	Tấm đan BTCT: (7*0,7*0,1)	m <sup>3</sup>	0	1.393.600	682.864
5	Đào san đất các loại bằng máy trong phạm vi < 5km: (7*1*1,9)	m <sup>3</sup>	13	14.300	190.190
6	Bóc tách từ giá đỡ hàng	m <sup>2</sup>			
	Khung thép (2,7*3,3)*2	m <sup>2</sup>	18	98.200	1.749.924
	Khung thép (1,6*1,8)*2	m <sup>2</sup>	6	98.200	565.632
7	Nền BT đá dăm dày 10cm (1*7)	m <sup>2</sup>	7	83.600	585.200
<b>15</b>	<b>Đối với hộ ông: Nguyễn Văn Khuyên</b>				
	Địa chỉ: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)				<b>1.123.769</b>
<b>a</b>	<b>Về tài sản vật kiến trúc</b>				<b>1.123.769</b>
1	Tấm đan BTCT (2,8*1,8*0,1)	m <sup>2</sup>	0,5	1.393.700	702.425
2	Nền BT đá dăm dày 10 cm (2,8*1,8)	m <sup>2</sup>	5,0	83.600	421.344







TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
<b>16</b>	<b>Đối với hộ ông: Phạm Hồng Kỳ</b>				
	Địa chỉ: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)				<b>480.000</b>
<b>a</b>	<b>Về cây cối hoa màu</b>				<b>480.000</b>
1	Cây bơ bán kính tán bằng 4,5 m diện tích tán bằng 63,5 m <sup>2</sup>			840.000	840.000
	<b>Hủy bỏ các hạng mục cây cối đã được phê duyệt tại QĐ 1023/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của UBND thành phố Lai Châu</b>				
2	Cây bơ bán kính tán từ 1 đến 2 m	cây	1,0	360.000	(360.000)
<b>17</b>	<b>Đối với hộ ông: Lê Văn Toàn</b>				
	Địa chỉ: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				
<b>a</b>	<b>Về tài sản vật kiến trúc:</b>				
1	ống nước HPDE φ 20	m	50		
<b>b</b>	<b>Về cây cối hoa màu</b>				
1	Chậu dâu tây	chậu	130,0		
<b>17</b>	<b>Đối với hộ ông Trần Văn Ván và bà Trần Thị Vân (hiện trạng ông Hoàng Đình Mến đang sử dụng)</b>				
	Địa chỉ: Tổ 22, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	<b>Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)</b>				<b>1.305.920</b>
<b>a</b>	<b>Về Tài sản vật kiến trúc: (tài sản vật kiến trúc do ông Trần Văn Ván tạo lập năm 2012 trên đất đã thu hồi đến năm 2020 chuyển nhượng cho ông Hoàng Đình Mến, khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, tài sản tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất, gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp</b>				<b>1.305.920</b>
	<b>Phần tài sản nằm trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất</b>				
1	Hàng rào khung sắt lưới B40 (5,3*2)	m <sup>2</sup>	10,6	123.200	1.305.920
<b>18</b>	<b>Đối với hộ ông Hoàng Đình Mến</b>				
	Địa chỉ: Tổ 22, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)				<b>6.939.020</b>





TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
a	<i>Về Tài sản vật kiến trúc: (tài sản vật kiến trúc do ông Trần Văn Vấn tạo lập năm 2012 trên đất đã thu hồi đến năm 2020 chuyển nhượng cho ông Hoàng Đình Mến, khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, tài sản tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất, gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp</i>				<b>6.939.020</b>
	<b>Tài sản nằm trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất</b>				
1	Công sắt (2,5*2,2)	m <sup>3</sup>	5,5	825.000	4.537.500
2	Hàng rào sắt liền trụ (2,2*1,5)	m <sup>2</sup>	3,3	255.000	841.500
3	Nền BT đá dăm dày 10 cm (3,5*4,1)	m	14,4	83.600	1.199.660
4	Lưới B40 hỗ trợ di chuyển (1,8*2)	m <sup>2</sup>	3,6	100.100	360.360
<b>19</b>	<b>Đối với hộ ông Vui Văn Cồ</b>				
	Địa chỉ: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)				<b>56.206.636</b>
a	<i>Về Tài sản vật kiến trúc: do ông Vui Văn Cồ tạo lập khoảng năm 2010 trên phần diện tích đất đã thu hồi, tạo lập trên trước thông báo thu hồi đất và không bị lập biên bản vi phạm về xây dựng, gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp</i>				<b>56.206.636</b>
	<b>Tài sản nằm trong phạm vi ảnh hưởng</b>				
1	Bán mái khung sắt lợp tôn (2,5*2,6)	m <sup>2</sup>	6,5	334.400	2.173.600
2	Công sắt (2,3*1,8)	m <sup>2</sup>	4,1	825.000	3.415.500
3	Trụ công xây gạch (0,4*0,4*2,8)*2	m <sup>2</sup>	0,9	546.700	489.843
4	Tôn bung (1,7*0,6)	m <sup>2</sup>	1,0	57.000	58.140
5	Nền BT đá dăm dày 10cm (5,0*2,5)	m <sup>2</sup>	12,5	83.600	1.045.000
6	Nhà vệ sinh mái đổ BTCT tường 11cm (3,5*2,4)	m <sup>2</sup>	8,4	1.681.020	14.120.568
7	Tường xây gạch bi T12cm (2,2*2,4)	m <sup>2</sup>	5,3	127.600	673.728
8	Bán mái khung sắt lợp tôn (5*2,4)	m <sup>2</sup>	12,0	334.400	4.012.800
9	Cửa sắt xếp (4,5*3,4)	m <sup>2</sup>	15,3	825.000	12.622.500
10	Tôn quây (8,0*2,4)	m <sup>2</sup>	19,2	57.000	1.094.400
11	Hàng rào khung sắt (8*2,4)	m <sup>2</sup>	19,2	98.200	1.885.440
12	Bạc tam cấp (0,25*1,4*2,4)	m <sup>3</sup>	0,8	546.700	459.228
13	Tường xây gạch bi T18cm (2,4*0,8)	m <sup>2</sup>	1,9	149.600	287.232
14	Tấm đan BTCT (2*2*0,1)	m <sup>3</sup>	0,4	1.393.700	557.480





TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
15	Bê phốt xây gạch bi tường 12cm (1,6*1,5*1)	m <sup>3</sup>	2,4	716.210	1.718.904
	<b>Ảnh hưởng không sử dụng được</b>				
1	Bán mái khung sắt lợp tôn (1,2*2,6)	m <sup>2</sup>	3,1	334.400	1.043.328
2	Nền BT đá dăm dày 10cm (1,2*2,5)	m <sup>2</sup>	3,0	83.600	250.800
3	Nhà vệ sinh mái đồ BTCT tường 10cm (1,1*3,5)	m <sup>2</sup>	3,9	1.681.020	6.471.927
4	Nóng lạnh	Cái	1,0	145.200	145.200
5	Tường xây gạch bi T12cm (3*1,1)	m <sup>2</sup>	3,3	127.600	421.080
6	Tôn quây (8,0*1,1)	m <sup>2</sup>	8,8	57.000	501.600
7	Hàng rào khung sắt (8*1,1)	m <sup>2</sup>	8,8	255.000	2.244.000
8	Bạc tam cấp (0,25*1,4*2)	m <sup>3</sup>	0,7	546.700	382.690
9	Tường xây gạch bi T18cm (1,1*0,8)	m <sup>2</sup>	0,9	149.600	131.648
<b>20</b>	<b>Đối với hộ ông Ninh Văn Phú</b>				
	Địa chỉ: Xã Bản Giang, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)				<b>38.350.090</b>
<b>a</b>	<i>Về Tài sản vật kiến trúc: do ông Ninh Văn Phú xây dựng năm 2012 trên đất đã thu hồi của dự án trước, khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp, tài sản tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất</i>				<b>38.350.090</b>
	<i>Phần tài sản nằm trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất</i>				
1	Bán mái khung sắt lợp tôn (2,5*5)	m <sup>2</sup>	12,5	334.400	4.180.000
2	Cửa cuốn (4,2*3,2) (hỗ trợ di chuyển)	m <sup>2</sup>	13,4	290.400	3.902.976
3	Nền lát gạch LD (1,6*5)	m <sup>2</sup>	8,0	143.000	1.144.000
4	Tôn quây (1,5*3,5)*2	m <sup>2</sup>	11	57.000	598.500
5	Nền BT đá dăm dày 10 cm (2,8*5)	m <sup>2</sup>	14,0	83.600	1.170.400
6	Ống nhựa PVCΦ 90	m	3,0	46.600	139.800
7	Tôn bung (0,6*5)+(0,5*3)*2	m <sup>2</sup>	6,0	57.000	342.000
8	Biển quảng cáo khung thép (0,6*1)	m <sup>2</sup>	0,6	200.000	120.000
	<b>Tài sản nằm trong phạm vi ảnh hưởng không sử dụng được</b>				
9	Bán mái khung sắt lợp tôn (7*5)	m <sup>2</sup>	35,0	334.400	11.704.000
10	Nền lát gạch LD (7*5)	m <sup>2</sup>	35,0	143.000	5.005.000





TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
11	Tôn bung (7*3,5)*2	m	49,0	57.000	2.793.000
12	Tường xây gạch bi tường 18 cm (5*3)*2	m <sup>2</sup>	30,0	149.600	4.488.000
13	Bóc tách từ cầu thang				
	Óp đá cầu thang (0,9*0,3)*11+(0,9*0,2)*10	m <sup>2</sup>	4,8	235.400	1.122.858
	Tấm đan BTCT (0,9*3,5*0,1)	m <sup>2</sup>	0,3	1.393.700	439.016
14	Óp gạch liên doanh (1,7*3)	m <sup>2</sup>	5,1	235.400	1.200.540
<b>21</b>	<b>Đối với hộ ông Đỗ Văn Bách và bà Phạm Thị Huyền</b>				
	Địa chỉ: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				<b>9.114.196</b>
<b>a</b>	<i>Về tài sản vật kiến trúc: do ông Đỗ Văn Bách tạo lập năm 2011 trên phần đất đã thu hồi của dự án trước, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp, tài sản được tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất</i>				<b>9.066.196</b>
	<i>Phần tài sản nằm trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất</i>				
1	Bán mái khung sắt lợp tôn (5,1*2,2)	m <sup>2</sup>	11,2	334.400	3.751.968
2	Nền BT đá dăm dày 10 cm (5,1*3,2) nằm trong bán mái khung sắt lợp tôn	m <sup>2</sup>	16,3	83.600	1.364.352
3	Hàng rào khung sắt (1,8*2,3)	m <sup>2</sup>	4,1	98.200	406.548
4	Tường xây gạch bi tường 12 cm (2,4*0,6)	m <sup>2</sup>	1	127.600	183.744
5	Tường xây gạch bi tường 12 cm (1*1)	m <sup>2</sup>	1,0	127.600	127.600
	<b>Tài sản nằm trong phạm vi ảnh hưởng không sử dụng được</b>				
1	Bán mái khung sắt lợp tôn (5,1*1,4)	m <sup>2</sup>	7,1	334.400	2.387.616
2	Nền BT đá dăm dày 10 cm (5,1*1,4) nằm trong bán mái khung sắt lợp tôn	m <sup>2</sup>	7,1	83.600	596.904
3	Hàng rào khung sắt (1,8*1,4)	m <sup>2</sup>	2,5	98.200	247.464
<b>c</b>	<i>Về Cây cối hoa màu (bổ sung)</i>				<b>48.000</b>
1	Chậu cây cảnh (Hỗ trợ di chuyển)	Chậu	2,0	24.000	48.000
<b>22</b>	<b>Đối với hộ bà Nguyễn Thị Vân</b>				
	Địa chỉ: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)				<b>34.216.975</b>





TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
a	<i>Về tài sản vật kiến trúc: do ông Đỗ Văn Định (Nguyễn Thị Vân) tạo lập năm 2015 trên đất đã thu hồi của dự án trước, khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp, tài sản tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất</i>				34.216.975
	<i>Phần tài sản nằm trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất</i>				
1	Bán mái khung sắt lợp tôn (7*3,3)	m <sup>2</sup>	23,1	334.400	7.724.640
2	Nền BT đá dăm dày 10 cm (7*3,3) nằm trong bán mái khung sắt	m <sup>2</sup>	23,1	83.600	1.931.160
3	Tường xây gạch bi tường 12 cm (1,3*6)	m <sup>2</sup>	7,8	127.600	995.280
4	Tôn quây (1,3*2,4)*2	m <sup>3</sup>	6,2	57.000	355.680
5	Biển quảng cáo khung thép (2*7)	m <sup>2</sup>	14	200.000	2.800.000
6	Cửa xếp 6,7*2,8	m <sup>2</sup>	19	825.000	15.477.000
7	Tôn bung cả khung xà 6,7*0,65	m <sup>2</sup>	4	57.000	248.235
8	Đào san đất bằng máy trong phạm vi <5km (7*1,3*2)	m <sup>2</sup>	18	14.300	260.260
	<b>Tài sản nằm trong phạm vi ảnh hưởng không sử dụng được</b>				
1	Bán mái khung sắt lợp tôn (7*1,4)	m <sup>2</sup>	9,8	334.400	3.277.120
2	Nền BT đá dăm dày 10 cm (7*1,4)	m <sup>2</sup>	9,8	83.600	819.280
3	Tôn bung cả khung xà (2,4*1,2)*2	m <sup>2</sup>	5,8	57.000	328.320
<b>23</b>	<b>Đối với hộ ông Phạm Văn Hạnh (Đỗ Văn Bách)</b>				
	Địa chỉ: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				<b>8.547.680</b>
a	<i>Về Tài sản vật kiến trúc: do ông Phạm Văn Hạnh tạo lập từ năm 2011 trên đất đã thu hồi của dự án trước; khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, tài sản tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất, sử dụng ổn định không tranh chấp.</i>				<b>8.499.680</b>
	<i>Phần tài sản nằm trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất</i>				
1	Bán mái khung sắt lợp tôn (5,2*2,2)	m <sup>2</sup>	11,4	334.400	3.825.536
2	Nền BT đá dăm dày 10 cm (5,2*3,2) nằm trong bán mái khung sắt lợp tôn	m <sup>2</sup>	16,6	83.600	1.391.104
3	Biển quảng cáo khung thép (1*1,2)	m <sup>2</sup>	1,2	200.000	240.000





TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
	<b>Tài sản nằm trong phạm vi ảnh hưởng không sử dụng được</b>				
1	Bán mái khung sắt lợp tôn (5,2*1,4)	m <sup>2</sup>	7,3	334.400	2.434.432
2	Nền BT đá dăm dày 10 cm (5,2*1,4)	m <sup>2</sup>	7,3	83.600	608.608
<b>b</b>	<b>Về cây cối hoa màu</b>				<b>48.000</b>
1	Chậu cây cảnh (Hỗ trợ di chuyển)	Chậu	2,0	24.000	48.000
<b>24</b>	<b>Cộng đồng dân cư Tổ 24, phường Đông Phong (Đường đi của tổ dân phố 24, phường Đông Phong)</b>				
	Địa chỉ: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)				<b>4.674.084</b>
<b>a</b>	<b>Về tài sản vật kiến trúc</b>				<b>4.674.084</b>
	<b>Phần tài sản nằm trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất</b>				
1	Nền BT đá dăm dày 20 cm (4*5,5)	m <sup>2</sup>	44,0	83.600	3.678.400
2	Tấm đan BTCT (4,4*0,1*1)	m <sup>2</sup>	0,4	1.393.600	613.184
3	Ống nước PPR φ 40	m	5,0	76.500	382.500
<b>25</b>	<b>Đối với hộ ông Vũ Đăng Chiến và bà Nguyễn Thị Bắc</b>				
	Địa chỉ: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)				<b>1.182.500</b>
<b>a</b>	<b>Về tài sản vật kiến trúc</b>				<b>1.182.500</b>
	<b>Phần tài sản nằm trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất</b>				
1	Ống thép mã kèm Φ 60	m	5,0	44.500	222.500
2	Biển quảng cáo (2*1,2)*2	m <sup>2</sup>	4,8	200.000	960.000
<b>26</b>	<b>Đối với hộ ông Hoàng Duy Luyến</b>				
	Địa chỉ: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				<b>9.687.360</b>
<b>a</b>	<b>Tài sản vật kiến trúc</b>				<b>8.127.360</b>
	<b>Phần tài sản nằm trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất</b>				
1	Nền BT đá dăm dày 10 cm (11,8*2,5)	m <sup>2</sup>	29,5	83.600	2.466.200
2	Tường xây gạch đỏ tường 22 cm (2,5*1,2)*2	m <sup>2</sup>	6,0	290.400	1.742.400
3	Tấm đan BTCT (10*1*0,1)	m <sup>3</sup>	1,0	1.393.600	1.393.600
	<b>Phần tài sản bị ảnh hưởng không sử dụng được</b>				
4	Nền BT đá dăm dày 10 cm (11,8*1,5)	m <sup>2</sup>	17,7	83.600	1.479.720







TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
5	Tường xây gạch đỏ tường 22 cm (1,5*1,2)*2	m <sup>2</sup>	3,6	290.400	1.045.440
<b>b</b>	<b>Về cây cối hoa màu</b>				<b>1.560.000</b>
	<b>Cây cối hoa màu trên đất nằm trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất</b>				
1	Cây bơ bán kính phát tán >4m	Cây	1,0	840.000	840.000
2	Cây vú sữa bán kính phát tán từ 1-2m	Cây	2,0	360.000	720.000
<b>27</b>	<b>Đối với hộ ông Tân A Pao</b>				
	Địa chỉ: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				<b>12.582.130</b>
<b>a</b>	<b>Về tài sản vật kiến trúc</b>				<b>11.442.130</b>
1	Bán mái khung sắt lợp tôn (5,1*3,7)	m <sup>2</sup>	18,9	334.400	6.310.128
2	Tường xây gạch tường 12 cm (9,6*1,1)	m <sup>2</sup>	10,6	127.600	1.347.456
3	Trát tường xm không đanh màu (9,6*1,1)*2	m <sup>2</sup>	21,1	27.500	580.800
4	Nền láng VXm dày 3 cm (4,8*3,8)	m <sup>2</sup>	18,2	39.600	722.304
5	Nền BT đá dăm dày 10 cm (3*1,9)	m <sup>2</sup>	5,7	83.600	476.520
6	Tấm đan BTCT (1,1*2,1*0,1)	m <sup>2</sup>	0,231	1.393.600	321.922
7	Cửa sắt (0,85*2,4)	m <sup>2</sup>	2,04	825.000	1.683.000
<b>b</b>	<b>Về cây cối hoa màu</b>				<b>1.140.000</b>
1	Cây đào bán kính phát tán >4m	Cây	1	600.000	600.000
2	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ 4	Cây	1	192.000	192.000
3	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ 2	Cây	3	66.000	198.000
4	Cây sung đường kính gốc 25 cm	Cây	1	150.000	150.000
<b>28</b>	<b>Đối với hộ bà Nguyễn Quỳnh Giang</b>				
	Địa chỉ: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)				<b>10.718.620</b>
<b>a</b>	<b>Về tài sản vật kiến trúc</b>				<b>10.718.620</b>
	<b>Phần tài sản bị ảnh hưởng không sử dụng được</b>				
1	Trần nhựa (4,3*2,8)+(4,4*2,6)	m <sup>2</sup>	23,5	139.700	3.280.156
2	Gác xép lửng bằng gỗ cả khung xương dầm gỗ (4,3*2,8)+(4,4*2,6)	m <sup>2</sup>	23,5	316.800	7.438.464
<b>29</b>	<b>Đối với hộ ông Đỗ Văn Đức</b>				
	Địa chỉ: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				





TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				<b>15.276.698</b>
<b>a</b>	<b>Về tài sản vật kiến trúc</b>				<b>15.132.698</b>
	<b>Phần tài sản bị ảnh hưởng không sử dụng được</b>				
1	Bán mái khung sắt lợp tôn nền lán VXM cao 4,4m (3,5*10)	m <sup>2</sup>	35,0	334.400	11.704.000
2	Kè xây gạch (18*0,8*0,24)	m <sup>3</sup>	3,5	556.600	1.923.610
3	Tấm đan BTCT (18*0,6*0,1)	m <sup>3</sup>	1,1	1.393.600	1.505.088
<b>c</b>	<b>Về cây cối hoa màu</b>				<b>144.000</b>
1	Cây cò voi	Cây	30,0	4.800	144.000
<b>30</b>	<b>Đối với hộ ông Nguyễn Bá Tuấn</b>				
	Địa chỉ: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				<b>12.412.320</b>
<b>a</b>	<b>Về tài sản vật kiến trúc</b>				<b>11.572.320</b>
	<b>Phần tài sản bị ảnh hưởng không sử dụng được</b>				
1	Tấm đan BTCT (12*1*0,1)	m <sup>2</sup>	1,2	1.393.600	1.672.320
2	Cửa xếp (4*3)	m <sup>3</sup>	12,0	825.000	9.900.000
<b>b</b>	<b>Về cây cối hoa màu</b>				<b>840.000</b>
1	Cây nhãn bán kính phát tán từ 1-2 m	Cây	2,0	420.000	840.000
<b>31</b>	<b>Đối với hộ ông Doãn Đình Chức</b>				
	Địa chỉ: tổ 22 phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)				<b>23.333.303</b>
<b>a</b>	<b>Về Tài sản vật kiến trúc: do ông Doãn Đình Chức tạo lập năm 2012 trên phần diện tích đất đã thu hồi của dự án trước, khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp, tài sản tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất</b>				<b>23.333.303</b>
1	Bán mái khung sắt lợp tôn (2*5,3)	m <sup>2</sup>	10,6	334.400	3.544.640
2	Nền BT đá dăm dày 10 cm (3,8*5,3)	m <sup>2</sup>	20,1	83.600	1.683.704
3	Tường xây gạch bi tường 12 cm (2*0,5)*2	m <sup>2</sup>	2,0	127.600	255.200
4	Kè đá xây (2*0,4*1,7)	m <sup>3</sup>	1,4	392.700	534.072
5	Tam cấp xây gạch bi (0,8*0,15*7) (tính bằng xây gạch bi KT 0,1*0,15*0,3VXM)	m <sup>3</sup>	0,8	546.700	459.228
6	Nền BT đá dăm dày 10 cm (1,8*3)	m <sup>2</sup>	5,4	83.600	451.440
7	Ống thép mạ kẽm φ 76	m	7,0	56.600	396.200





TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
	<b>Phần tài sản ảnh hưởng</b>				
8	Bán mái khung sắt lợp tôn (7*5,3)	m <sup>2</sup>	37,1	334.400	12.406.240
9	Nền BT đá dăm dày 10 cm (5,3*7)	m <sup>2</sup>	37,1	83.600	3.101.560
10	Kè đá xây (1,2*0,4*1,7)	m <sup>3</sup>	0,8	392.700	320.443
11	Nền BT đá dăm dày 10 cm (1,8*1,2)	m <sup>2</sup>	2,2	83.600	180.576
<b>32</b>	<b>Đối với hộ ông Hằng A Dưa (Hiện trạng bà Lê Thị Lệ đang sử dụng)</b>				
	Địa chỉ: Bàn Phan Chu Hoa, xã Nùng Nàng, Tam Đường				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)				<b>3.986.400</b>
<b>a</b>	<b>Về cây cối hoa màu</b>				<b>3.986.400</b>
1	Chậu dâu tây	chậu	130,0	24.000	3.120.000
2	Giàn su su leo kín giàn	m <sup>2</sup>	24,0	9.600	230.400
3	Cây đào trồng cảnh ghép từ 2-3 năm	cây	2,0	204.000	408.000
4	Cây chuối cao trên 1,2	cây	3,0	24.000	72.000
5	Hàng rào cọc tre	md	26,0	6.000	156.000
<b>33</b>	<b>Đối với hộ ông Nguyễn Văn Đàng</b>				
	Địa chỉ: Tổ 22, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				<b>145.947.454</b>
<b>a</b>	<i>Về tài sản vật kiến trúc: do ông Nguyễn Văn Đàng tạo lập năm 2011 trên đất đã thu hồi của dự án trước, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp, tài sản tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất</i>				<b>143.127.454</b>
	<b>Phần tài sản nằm trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất (toàn bộ tài sản nằm trên đất công cộng)</b>				
1	Bán mái khung sắt lợp tôn (5*3,6)	m <sup>2</sup>	18,0	334.400	6.019.200
2	Cửa cuốn (3,3*2,9)	m <sup>2</sup>	9,6	290.400	2.779.128
3	Dầm cầu BTCT (4,5*5*0,22) (cầu vào nhà)	m <sup>3</sup>	5,0	1.393.700	6.898.815
4	Tôn quây (2,2*6,4)	m <sup>2</sup>	14,1	57.000	802.560
5	Khung dầm BTCT (5*12*0,22) (cầu vào nhà)	m <sup>3</sup>	13,2	1.393.700	18.396.840
6	Kè đá xây (3*3*0,5)	m <sup>2</sup>	4,5	392.700	1.767.150
7	Hàng rào lưới B40 (20*1,6)	m <sup>2</sup>	32,0	100.100	3.203.200
8	Hàng rào cọc tre	m	32,0	6.000	192.000
9	Cọc BTCT (0,1*0,1*2)*6	cọc	6,0	70.000	420.000
10	Thép V10 dày 2,5 ly	m	8,0	16.400	131.200





TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
11	Cọc BTCT (0,1*0,1*2)*5	cọc	5,0	70.000	350.000
12	Sân BT đá dăm dày 10 cm (6*8,5)	m <sup>2</sup>	51,0	83.600	4.263.600
13	Kè đá xây (0,4*0,5*0,6)	m <sup>2</sup>	0,1	392.700	47.124
14	Kè đá xây (0,5*0,3*8,5)	m <sup>2</sup>	1,3	392.700	500.693
15	Bóc tách biển quảng cáo	m <sup>2</sup>	10,8	200.000	2.160.000
	Tôn bung (6*1,8)	m <sup>2</sup>	10,8		
	Cấu kiện sắt thép (6*1,8)	m <sup>2</sup>	10,8		
16	Sắt hộp 4,4 dày 2mm	m	4,4	52.000	228.800
17	Sắt hộp 50*50 dày 2mm	m	5,0	65.500	327.500
18	Tường xây gạch bi tường 12 cm (1,7*2,6)	m <sup>2</sup>	4,4	127.600	563.992
19	Trụ công xây gạch bi (0,45*0,45*2,4)*2	m <sup>3</sup>	1,0	546.700	531.392
20	Công sắt (3,6*1,9)	m <sup>2</sup>	6,8	825.000	5.643.000
21	Trát tường xi măng không đánh màu (11,8*1,7)*2	m <sup>2</sup>	40,1	27.500	1.103.300
22	Tường xây gạch bi tường 12 cm (3,3*1,7)	m <sup>2</sup>	5,6	127.600	715.836
23	Nền BT đá dăm dày 10 cm (5*4,5)	m <sup>2</sup>	22,5	836.000	18.810.000
24	Bó bò xây hoàn chỉnh	m	2,0	48.400	96.800
25	Bán mái khung sắt mái lợp PRXM (1,1*7,2)	m <sup>2</sup>	7,9	267.300	2.117.016
26	Nền láng VXM dày 3cm (1,1*7,2)	m <sup>2</sup>	7,9	39.600	313.632
27	Tôn bung (2,5*7)	m <sup>2</sup>	17,5	57.000	997.500
28	Nền BT đá dăm dày 10 cm (2,2*7,1)	m <sup>2</sup>	15,6	83.600	1.305.832
29	Tường xây gạch bi tường 12 cm (1,5*1,1)	m <sup>2</sup>	1,7	127.600	210.540
30	Tôn quây (2*1,1)	m <sup>2</sup>	2,2	57.000	125.400
31	Hàng rào sắt (2*1,1) tính bằng hàng rào liền trụ	m <sup>2</sup>	2,2	255.000	561.000
32	Trần Thạch cao (1,1*2,6)	m <sup>2</sup>	2,9	180.000	514.800
33	Cửa kính (1,2*2,5) hỗ trợ di chuyển	m <sup>2</sup>	3,0	145.200	435.600
34	Tường xây gạch bi tường 12cm (0,8*1,3)	m <sup>2</sup>	1,0	127.600	132.704
35	Tôn quây (nằm trong bán mái khung sắt lợp tôn) 4,5*0,7	m <sup>2</sup>	3,2	57.000	179.550
	<b>Phần tài sản nằm trong phạm vi ảnh hưởng không sử dụng được</b>				
36	Tôn quây (nằm trong bán mái khung sắt lợp tôn) 2,5*0,7	m <sup>2</sup>	1,8	57.000	99.750
37	Bán mái khung sắt lợp tôn (3,3*5)	m <sup>2</sup>	16,5	334.400	5.517.600
38	Hàng rào sắt (6,8*1,9) tính bằng hàng rào liền trụ	m <sup>2</sup>	12,9	255.000	3.294.600





TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
39	Tôn quây (2,8*6,6)	m <sup>2</sup>	18,5	57.000	1.053.360
40	Nền BTCT (3,3*4,5*0,22) cầu vào nhà	m <sup>2</sup>	3,3	1.393.700	4.553.218
41	Cột BTCT (16,5*5*0,22) (dầm cầu vào nhà)	m <sup>2</sup>	18,2	1.393.700	25.295.655
42	Tường xây gạch đỏ tường 11cm (9,5*0,5)	m <sup>2</sup>	4,8	273.900	1.301.025
43	Trát tường xi măng không đánh màu (9,5*0,5)*2	m <sup>2</sup>	9,5	27.500	261.250
44	Bán mái khung sắt mái lợp PRXM (7,2*2,1)	m <sup>2</sup>	15,1	267.300	4.041.576
45	Nền BT đá dăm dày 10cm (7,2*2,1) nằm trong bán mái khung sắt lợp PRXM	m <sup>2</sup>	15,1	83.600	1.264.032
46	Tường xây gạch bi tường 12 cm (2,1*1,5)	m <sup>2</sup>	3,2	127.600	401.940
47	Tôn quây kê cả khung xà (2,1*2,0)	m <sup>2</sup>	4,2	57.000	239.400
48	Hàng rào sắt (2,0*2,1)	m <sup>2</sup>	4,2	255.000	1.071.000
49	Trần thạch cao (2,1*2,6)	m <sup>2</sup>	5,5	180.000	982.800
50	Tôn quây (1,8*1,5)	m <sup>2</sup>	2,7	57.000	153.900
51	Tấm alu bung (2,6*3,2)	m <sup>2</sup>	8,3	57.000	474.240
52	Đào san đất các loại bằng máy trong phạm vi < 5km: (100*1,5*4)	m <sup>3</sup>	600,0	14.300	8.580.000
53	Máng tôn	M	5,0	48.300	241.500
54	Nền lán VXM dày 3cm (16,7*2,2)	m <sup>2</sup>	36,7	39.600	1.454.904
<b>c</b>	<b>Về cây cối hoa màu</b>				<b>2.820.000</b>
	<b>Cây cối hoa màu trên đất nằm trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất</b>				
1	Cây chuối cao trên 1,2 m	Cây	23,0	24.000	552.000
2	Cây chuối cao dưới 1,2 m	Cây	26,0	18.000	468.000
3	Cây chuối có buồng 5 cây (20 kg/buồng)	đồng/kg	100,0	6.000	600.000
4	Cây chanh bán kính phát tán từ 1-2 m	Cây	1,0	204.000	204.000
5	Cây bơ bán kính phát tán từ 1-2 m	Cây	1,0	360.000	360.000
6	Cây bơ bán kính phát tán từ 2-4 m	Cây	1,0	540.000	540.000
7	Rau màu gói vụn	đồng/m <sup>2</sup>	10,0	9.600	96.000

